

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ M
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2023

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ M TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Cao Thị Trúc Linh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tất Ái**.

2. Ông **Lê Văn Kiệt**.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Nguyễn Văn Trọng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Trương Cẩm H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: số 1218 ấp Phong Thuận, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2. **Bị đơn:** Anh Đoàn Minh H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: số 1218 ấp Phong Thuận, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

(Chị H có mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn ly hôn và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày: chị và anh Đoàn Minh H1 cưới nhau từ năm 2010, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, thành phố M vào 20/3/2012. Thời gian chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, tính tình không phù hợp. Nhận thấy hiện tại chị đã không còn tình cảm với anh H1 nên yêu cầu được ly hôn. Về con chung chị và anh H1 có 02 con chung tên Đoàn Văn Trọng K sinh ngày 16/11/2011 và Đoàn Minh Khánh T sinh ngày 03/5/2014. Ly hôn chị H đồng ý giao cháu K và cháu T cho anh H1 trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung chị trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Đoàn Minh H1 khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H1 không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H1 và vắng mặt không rõ lý do.

* Tại phiên tòa, chị H1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, về con chung chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc và nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn anh H1 vắng mặt không rõ lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh H1. Về nội dung theo lập luận nêu tại bài phát biểu. Căn cứ Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Giao cháu Đoàn Văn Trọng K1 sinh ngày 16/11/2011 và Đoàn Minh Khánh T sinh ngày 03/5/2014 cho chị H nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các cháu, ghi nhận chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung chị H trình bày không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trương Cẩm H yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Minh H1 có hộ khẩu thường trú tại xã T thành phố Mỹ Tho. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2]. Sự có mặt của các đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn không có đơn xét xử vắng mặt và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2010, và đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi xác lập hôn nhân, chị H và anh H1 sống với nhau hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do anh H1 thường xuyên cờ bạc gây nợ nần và không chăm lo cho vợ con, chị và anh H1 đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm với anh H1. Đồng thời khoảng thời gian sống ly thân, cả hai anh chị vẫn chưa thể hàn gắn nên mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung. Ngoài ra từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, anh H1 không có văn bản gửi cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình về việc chị H yêu cầu ly hôn với anh và nêu biện pháp hàn gắn duy trì quan hệ hôn nhân với chị H. Do đó, căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị được ly hôn với anh H1.

[4]. Về nuôi con chung: Thời gian hôn nhân chị H và anh H1 có 02 con chung tên Đoàn Văn Trọng K sinh ngày 16/11/2011 và Đoàn Minh Khánh T sinh ngày 03/5/2014 hiện đang sống chung với chị H, tại phiên tòa chị H có thay đổi yêu cầu khởi kiện so với ban đầu, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không

yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của chị Hân là phù hợp với quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự và tại biên bản xác minh ở địa phương, anh H1 thường xuyên cò bạc nợ nần nên thường xuyên vắng mặt ở địa phương, đồng thời cháu K và cháu T đều có văn bản mong muốn được ở với mẹ. Mặt khác, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh H1 cũng không có bất kỳ văn bản nào nộp cho Tòa án thể hiện sự mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, việc giao cháu K và cháu T cho chị H nuôi dưỡng, là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: chị H có công việc ổn định và tại phiên tòa, chị H không có yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: chị H trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng nên Hội đồng xét xử chấp đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8]. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Cẩm H .

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Cẩm H được ly hôn với anh Đoàn Minh H1.

Về nuôi con chung: Giao cháu Đoàn Văn Trọng K sinh ngày 16/11/2011 và Đoàn Minh Khánh T sinh ngày 03/5/2014 cho chị H trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2. Về án phí: Chị Trương Cẩm H phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0023258 ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang, như vậy chị đã nộp xong.

3. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND TPMT;
- UBND xã T, Mỹ Tho, Tiền Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Đã ký

Cao Thị Trúc Linh